

HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ ĐẠT BỘ TIÊU CHÍ
QUỐC GIA VỀ Y TẾ XÃ
CẤP TỈNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /BC-TTK

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả phúc tra số liệu hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường
đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng xét công nhận xã, phường đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Kế hoạch số 1377/KH-SYT ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Sở Y tế về Kế hoạch phúc tra hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường đạt tiêu chí 15.2 - Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 (công nhận năm 2025).

Tổ thư ký báo cáo kết quả phúc tra số liệu hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường (gọi chung là xã) đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2030, năm 2025 theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế, kết quả cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn phúc tra: Theo Kế hoạch số 1377/KH-SYT ngày 23 tháng 10 năm 2025: Bao gồm Đại diện phòng thuộc Sở Y tế: Nghiệp vụ Y Trưởng đoàn, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức - Hành chính, Dân số, Nghiệp vụ Dược; Chi cục An toàn thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 03 viên chức (02 thành viên, 01 viên chức thư ký).

2. Thành phần địa phương được phúc tra

- Ủy ban nhân dân xã: Đại diện lãnh đạo Phòng Văn hóa xã hội, Hội đồng xét công nhận xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và tổ thư ký giúp việc cho Hội đồng cấp xã.

- Đại diện Trung tâm Y tế cùng cán bộ khác có liên quan; Trưởng trạm y tế và toàn thể nhân viên trạm y tế.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 04/12/2025.

2. Địa điểm: Tại 18 địa phương (44 xã/thị trấn theo địa giới hành chính cũ) có hồ sơ đề nghị phúc tra công nhận.

III. KẾT QUẢ PHÚC TRA

1. Kết quả phúc tra số liệu hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2030

Xã	Địa phương (trước sáp nhập)	Điểm		
		Chuẩn	Hội đồng cấp xã	Đoàn phúc tra
1. Xã Đắk Pék	(1) Thị trấn Đắk Glei	100	92,5	91
	(2) Xã Đắk Pék	100	93,5	89,5
2. Xã Đắk Long	(3) Xã Đắk Long	100	91	90
3. Xã Đắk Môn	(4) Xã Đắk Môn	100	88	88,5
	(5) Xã Đắk Kroong	100	89,5	90,5
4. Xã Đắk Tờ Kan	(6) Xã Đắk Rơ Ông	100	89,5	85,5
	(7) Xã Đắk Tờ Kan	100	88	88
5. Xã Mô Rai	(8) Xã Mô Rai	100	90	84,5
6. Xã Ia Đal	(9) Xã Ia Đal	100	88	82
7. Xã Trường Giang	(10) Xã Tịnh Đông	100	87,5	89,5
	(11) Xã Tịnh Giang	100	92,5	82,5
	(12) Xã Tịnh Minh	100	87	86
8. Xã Ba Gia	(13) Xã Tịnh Hiệp	100	89,5	88,5
	(14) Xã Tịnh Trà	100	88,5	87,5
	(15) Xã Tịnh Bắc	100	89	90
9. Xã Sơn Tịnh	(16) Thị trấn Tịnh Hà	100	94	87
	(17) Xã Tịnh Bình	100	94,5	92,5
	(18) Xã Tịnh Sơn	100	87,5	87,5
10. Xã Thọ Phong	(19) Xã Tịnh Phong	100	88,5	91
	(20) Xã Tịnh Thọ	100	86	87,5
11. Xã Tư Nghĩa	(21) Xã Nghĩa Thương	100	88,5	85
	(22) Xã Nghĩa Hòa	100	89,5	83,5
	(23) Xã Nghĩa Trung	100	87	85,5
	(24) Thị trấn La Hà	100	84	82,5
12. Xã Vệ Giang	(25) Xã Nghĩa Phương	100	89	84,5
	(26) Xã Nghĩa Hiệp	100	87	87
	(27) Thị trấn Sông Vệ	100	84,5	83
13. Xã Nghĩa Giang	(28) Xã Nghĩa Kỳ	100	89,5	86,5
	(29) Xã Nghĩa Điền	100	91,5	86
	(30) Xã Nghĩa Thuận	100	90	84,5
14. Xã Trà Giang	(31) Xã Nghĩa Lâm	100	89,5	84,5
	(32) Xã Nghĩa Thắng	100	84	84

Xã	Địa phương	Điểm		
	(33) Xã Nghĩa Sơn	100	85	83
15. Xã Trà Bồng	(34) Thị trấn Trà Xuân	100	84,5	80
	(35) Xã Trà Thủy	100	84	81
	(36) Xã Trà Sơn	100	87	84
	(37) Xã Trà Hiệp	100	82,5	84
16. Xã Thanh Bồng	(38) Xã Trà Lâm	100	84	82
	(39) Xã Trà Thanh	100	82	81
	(40) Xã Trà Phong	100	83	86
17. Xã Tây Trà	(41) Xã Sơn Trà	100	87	83
	(42) Xã Trà Xinh	100	81	82
	(43) Xã Hương Trà	100	87	83,5
18. Xã Tây Trà Bồng	(44) Xã Trà Tây	100	82,5	83

Điểm chi tiết tại phụ lục đính kèm

** Toàn bộ các địa phương trên đều đã thực hiện theo hướng dẫn số 768/SYT-NVY ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc đăng ký lộ trình, hoàn thiện hồ sơ trình công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030 (mô hình chính quyền địa phương 2 cấp). Trên cơ sở địa phương tự chấm có kết quả đạt tiến hành hoàn thiện Tờ trình kèm hồ sơ gửi Sở Y tế.*

2. Nhận xét chung theo từng tiêu chí các đơn vị thực hiện

2.1. Tiêu chí 1. Công tác chỉ đạo, điều hành công tác chăm sóc sức khỏe

- 100% địa phương đã kiện toàn/thành lập mới Ban Chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD); Ban CSSKBD có hoạt động, có họp và lưu báo cáo theo quy định theo đơn vị hành chính mới.

- Trạm Y tế (TYT) ứng dụng công nghệ thông tin trong thông kê báo cáo, quản lý bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng mở rộng; khám chữa bệnh. Tuy nhiên các phần mềm chưa liên thông dữ liệu nên vẫn còn tình trạng nhân viên y tế phải nhập cùng lúc nhiều phần mềm.

- Tỷ lệ người dân có thẻ Bảo hiểm y tế (tương ứng với Tiêu chí 15.1 Xây dựng nông thôn mới) so với theo Quyết định 546/QĐ-TTg ngày 20/4/2022 là trên 95%. Tuy nhiên vẫn còn 1 số địa phương đạt tỷ lệ <95%, tập trung tại các địa phương đã được công nhận đạt Nông thôn mới như xã Đăk Pék (khu vực thị trấn Đăk Pék cũ); Xã Đăk Môn (khu vực xã Đăk Môn cũ); Xã Trà Bồng (khu vực thị trấn Trà Xuân; xã Trà Thủy).

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 97,6%.

2.2. Tiêu chí 2. Nhân lực y tế

- TYT có bác sỹ và đủ số lượng cán bộ y tế (CBYT) làm việc, đáp ứng cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm. Địa phương chưa đảm bảo chưa đảm bảo các chức danh nghề nghiệp cần có tại TYT: xã Ba Gia (Tỉnh Trà, Tỉnh Bắc) ; Xã Sơn Tịnh (Tỉnh Sơn); Xã Trà Giang (Nghĩa Sơn); Xã Tư Nghĩa (La Hà, Nghĩa Trung, Nghĩa Hòa).

- Công tác đào tạo và đào tạo liên tục được chú trọng: 100% cán bộ y tế (CBYT) thường xuyên được đào tạo, đào tạo lại (hàng năm) theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- 100% các TYT xã đã kiện toàn đội ngũ NVYTTL, tuy nhiên còn có địa phương NVYTTL chưa được đào tạo theo quy định; một số địa phương chưa có CTV dân số nên các TYT gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, phục vụ người dân trên địa bàn. Một số khu vực khó khăn, đặc thù dân tộc thiểu số còn có tình trạng đẻ tại nhà còn có đội ngũ cô đỡ thôn bản (cô đỡ thôn bản đang hoạt động có hưởng phụ cấp từ Dự án Chương trình Mục tiêu quốc gia).

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 94,3%.

2.3. Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng TYT xã

- 100% TYT xã có cơ sở hạ tầng đảm bảo số phòng làm việc, được bố trí, sắp xếp phù hợp, khoa học, thiết kế theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế. Tuy nhiên một số TYT chưa có khối phụ trợ và công trình phụ trợ: TYT Đắk Pék (Xã Đắk Pék); TYT Trà Thanh (Xã Thanh Bồng); Xã Vệ Giang (Điểm trạm thị trấn Sông Vệ).

- 100% TYT xã đều gần đường giao thông, thuận tiện cho người dân đi lại, dễ dàng tiếp cận các dịch vụ; nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh, chất thải được thu gom và phân loại đúng quy định. TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Do đầu tư từ nhiều nguồn, nhiều thời điểm, đầu tư xây dựng mở rộng nên việc bố trí các phòng làm việc còn sơ sài và chưa hợp lý; chưa trang bị bảng biểu theo quy định, cơ sở hạ tầng cũ và mới thiếu đồng bộ; đi lại giữa 2 khối nhà không thuận tiện.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 98,9%.

2.4. Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác

- Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác đủ để TYT triển khai các dịch vụ cơ bản CSSKBD tại TYT. Hướng dẫn, sử dụng thuốc an toàn hợp lý, không có trường hợp tai biến, sai sót xảy ra. Tủ sách chuyên môn đủ 15 đầu sách và các tài liệu tuyên truyền luôn đầy đủ theo Bộ tiêu chí đề ra.

- Tuy nhiên tại thời điểm phúc tra so với danh mục quy định có 80% TYT không đủ thuốc theo danh mục (theo Thông tư số 39/2017/TT-BYT và Thông tư số 20/2022/TT-BYT) yêu cầu là trên 80%, tuy nhiên so với mô hình bệnh tật tại địa phương không thiếu thuốc (đủ kháng sinh, đủ thuốc điều trị tăng huyết áp). Thiếu trang thiết bị (máy đo đường huyết mao mạch).

Lý do: Địa phương chưa xây dựng danh mục quy định riêng phù hợp nhu cầu bệnh tật của địa phương vì vậy đoàn dự trên quy định của BHYT nên tỷ lệ đạt thấp, bên cạnh đó có địa phương số người có thẻ BHYT đăng ký khám ban đầu tại TYT ít; cân đối dự trù thuốc chưa hợp lý.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 68%.

(Tổng điểm tiêu chí 4 có điểm < 70% so với điểm chuẩn: Xã Đăk Pét, Mô Rai, Ia Đal, Ba Gia, Sơn Tịnh, Thọ Phong, Tư Nghĩa, Vệ Giang, Nghĩa Giang, Trà Giang, Trà Bồng, Tây Trà)

2.5. Tiêu chí 5. Y tế dự phòng, phòng chống HIV/AIDS vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được chú trọng, bệnh khả năng gây dịch đều phát hiện, xử lý kịp thời, không để dịch lớn xảy ra; dự báo kiểm soát và không chế các dịch bệnh nguy hiểm và tác nhân truyền nhiễm gây dịch, nhất là dịch bệnh mới phát sinh. Các bệnh truyền nhiễm thông thường như sốt xuất huyết, thủy đậu, quai bị xuất hiện hàng năm theo mùa và trong tầm kiểm soát; các bệnh truyền nhiễm gây dịch khác được giám sát và kiểm soát chặt chẽ. Công tác triển khai hoạt động phòng chống HIV/AIDS được thực hiện tốt.

- Một số nhiệm vụ dự phòng khó triển khai: Dịch vụ y tế dự phòng như khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc, quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm chưa đạt do thiếu kinh phí nhất là tại các địa phương; công tác quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng mới chỉ tập trung quản lý điều trị bệnh tăng huyết áp; tỷ lệ TYT quản lý điều trị được từ 2 bệnh trở lên còn thấp.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt đảm bảo 3 sạch đạt thấp (đặc biệt là tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước được cung cấp từ các công trình cấp nước tập trung, sử dụng nguồn nước tự chảy).

- Công tác triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tương đối tốt. Tuy nhiên hoạt động tuyên truyền kiến thức về ATTP, các quy định pháp luật về ATTP và hướng dẫn phòng chống ngộ độc thực phẩm chưa phổ biến rộng rãi. Tỷ lệ cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý được kiểm tra, giám sát tại một số địa phương chưa đạt từ 90% trở lên theo quy định.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 80,2%.

2.6. Tiêu chí 6. Khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và y học cổ truyền

- 100% TYT đều được triển khai khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT, thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo quy định, không để xảy ra sai sót chuyên môn; quy trình kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 được phê duyệt. Tuy nhiên danh mục kỹ thuật được phê duyệt ở khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi còn thấp; Hàng năm các cơ sở y tế chưa triển khai thêm dịch vụ kỹ thuật mới.

- TYT có vườn thuốc nam mẫu theo quy định của Bộ Y tế và triển khai khám chữa bệnh YHCT, kết hợp với y học hiện đại. Tuy nhiên chưa triển khai được các dịch vụ kỹ thuật YHCT-PHCN không dùng thuốc như châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, tập phục hồi chức năng;...

- Tỷ lệ dân số được tạo lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ Y tế đạt (đây là thành quả quan trọng để tiến đến thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh: khám chữa bệnh từ xa, kê đơn điện tử...), liên thông dữ liệu người bệnh đến khám đều được tự động cập nhật vào phần D của Hồ sơ sức khỏe toàn dân.

- Công tác quản lý sức khỏe cho đối tượng là người khuyết tật, người cao tuổi, học sinh chưa khoa học, chưa có tính kế thừa, chưa tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định, tỷ lệ đạt ở mức trung bình.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 78,9%.

(26/44 chiếm 59% cơ sở Điểm trạm có điểm trung bình < 80% so với điểm chuẩn, trong đó có < 70% tổng điểm Xã Mô Rai, Ia Đal, Tư Nghĩa (Điểm TYT nghĩa Hòa), Tư Nghĩa (TYT Nghĩa Hòa), Nghĩa Giang (TYT Nghĩa Kỳ), Trà Giang (TYT Nghĩa Thắng), Thanh Bông (TYT Trà Lâm), Tây Trà (TYT Trà Xinh)).

2.7. Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em

- Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ đạt điểm chuẩn như: quản lý thai, khám thai đầy đủ trước sinh (khám thai 4 lần trở lên trong 3 thời kỳ thai nghén); đẻ an toàn, được CBYT đỡ; hầu hết các địa phương đề nghị công nhận tại đợt này không có tình trạng tai biến sản khoa.

- Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em trên địa bàn đạt tốt như cân trẻ, uống Vitamin A, xổ giun... .

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt theo tiến độ.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể Thấp còi (chiều cao/tuổi) có giảm so với cùng kỳ năm trước tuy nhiên các xã thuộc vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn vẫn còn rất cao (Xã Đăk Tô Kan: 28,3%; xã Thanh Bông: 48,4%; xã Tây Trà Bông: 48,9%; xã Tây Trà: 39,4%).

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 94,3%.

2.8. Tiêu chí 8. Công tác dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Trạm Y tế đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được triển khai xuống tận cơ sở, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các dịch vụ một cách thuận lợi, an toàn và hiệu quả.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi được chú trọng, quan tâm, người cao tuổi được lập hồ sơ theo

đổi, quản lý sức khỏe, tuy nhiên tỷ lệ khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm tại một số xã còn thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Trạm Y tế triển khai tốt công tác phối hợp truyền thông, vận động, tư vấn các nội dung liên quan đến dân số và phát triển, trong đó chú trọng các nội dung như lợi ích của tư vấn tâm sinh lý tiền hôn nhân; sàng lọc trước sinh và sơ sinh; hệ lụy của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Một số công tác dân số- kế hoạch hóa gia đình chưa triển khai được các TYT: Thực hiện nghiêm túc việc giữ bí mật về giới tính của thai nhi trước khi sinh. Không tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ lựa chọn giới tính thai nhi; không thực hiện việc phá thai vì lý do lựa chọn giới tính, trừ các trường hợp bệnh lý; Tầm soát (sàng lọc) phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền; Khám sức khỏe trước khi kết hôn và quản lý các đối tượng có nguy cơ cao, trường hợp có nghi ngờ theo chỉ định của bác sỹ.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 73,6%.

** Một số địa phương Trung bình điểm thấp <70%: Xã Đăk Môn (TYT Đăk Kroong); Xã Đăk Tờ Kan (TYT Đăk Tờ Kan); Xã Ia Đal; Xã Trà Giang (TYT Nghĩa Sơn); Xã Trà Bồng; Xã Thanh Bồng (TYT Trà Hiệp, Trà Thanh), Xã Tây Trà.*

2.9. Tiêu chí 9. Công tác Truyền thông - Giáo dục sức khỏe: 18/18 xã đạt điểm tối đa, các TYT đã triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền và giáo dục sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 100%.

2.10. Tiêu chí 10: Ứng dụng công nghệ thôn tin: 100% TYT được trang bị đủ máy tính, có cán bộ được đào tạo tập huấn, sử dụng được phần mềm, triển khai quản lý thông tin y tế - dân số trên hệ thống, tuy nhiên một số TYT vẫn chưa thực hiện ứng dụng phần mềm vào tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.

- Kết quả: 18/18 xã đạt, mức điểm trung bình đạt tiêu chí 94,8%.

3. Kết luận: Qua phúc tra hồ sơ đề nghị của 18 xã (gồm 44 xã, thị trấn theo địa danh cũ) theo hướng dẫn tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế đính chính về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế: 18/18 xã đều có tổng số điểm đạt trên 80 điểm, và 100% có các tiêu chí đạt trên 50% số điểm trong mỗi tiêu chí.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Hội đồng công nhận cấp xã

- Tham mưu kịp thời cấp ủy, chính quyền cùng cấp ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Bộ Tiêu chí Quốc gia y tế xã, xác định nhiệm vụ xây dựng/duy trì xã đạt BTCQGYTX là một nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, hằng năm, đưa vào kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường vai trò chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; tăng cường sự phối hợp giữa các Sở, ban ngành, đoàn thể với ngành Y tế trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương: Tùy vào đặc thù từng địa phương, khu vực Đông – Tây Quảng Ngãi lựa chọn vấn đề cần can thiệp để cải thiện tình trạng sức khỏe người dân như: Tỷ lệ suy dinh dưỡng (thấp còi) ở trẻ em dưới 5 tuổi; Tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân; Chất lượng dân số; Tình trạng đẻ tại nhà, sinh con tuổi vị thành niên.

- TYT nâng cao tinh thần trách nhiệm, tham mưu kịp thời Ủy ban nhân dân xã các giải pháp nhằm duy trì đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã, cụ thể:

+ Về công tác tổ chức: Rà soát, sắp xếp bố trí đủ nhân lực làm việc tại TYT theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp và đề án vị trí việc làm; duy trì bền vững tỷ lệ TYT có bác sỹ, luân phiên bác sỹ về hỗ trợ chuyên môn cho các TYT, đặc biệt là các TYT vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050”.

+ Bố trí, sắp xếp TYT xã/ phường theo mô hình phòng làm việc hợp lý, khoa học; thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khuôn viên TYT và trụ sở TYT; bố trí, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các trang thiết bị dụng cụ y tế; có kế hoạch đưa các thiết bị, dụng cụ y tế còn tồn trong kho vào sử dụng.

+ Về công tác phòng chống dịch bệnh: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân, chủ động phòng chống dịch bệnh, nâng cao tỷ lệ tiêm chủng; triển khai hoạt động tốt các hoạt động, dự án khác thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, sức khỏe học đường, quản lý sức khỏe người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, bệnh không lây nhiễm, lồng ghép các Mô hình Cộng đồng tự quản về vệ sinh phòng chống tai nạn thương tích, Làng sức khỏe vào xây dựng Nông thôn mới liên quan y tế, an toàn thực phẩm.

+ Về công tác dân số, sức khỏe sinh sản: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số - Kế hoạch hóa gia đình cũng như cộng tác viên dân số thôn, làng, tham mưu kịp thời các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn phối hợp triển khai công tác dân số, sức khỏe sinh sản. Đẩy mạnh hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước và sơ sinh; triển khai có hiệu quả các đợt bổ sung vitamin A kết hợp với tẩy giun, cân trẻ dưới 5 tuổi; đảm bảo đủ điều kiện cơ bản để phát huy hiệu quả hoạt động theo dõi tăng trưởng trẻ em tại cộng đồng. Triển khai hoạt động Tiêm chủng mở rộng thường xuyên, đúng lịch.

+ Về công tác điều trị: Tăng cường chỉ đạo tuyến, tập huấn chuyên môn, đào tạo sử dụng các trang thiết bị tại trạm; đồng thời hướng dẫn lại TYT cách tính tỷ lệ quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp và đái tháo đường); rà soát danh mục kỹ thuật triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở theo thông tư 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 và Thông tư số 21/2019/TT-BYT, ngày 21/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thí điểm về y học gia đình, xây dựng quy trình, đủ điều kiện thực hiện đề xuất Sở Y tế phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật; phát triển triển khai dịch vụ kỹ thuật mới

y học cổ truyền không dùng thuốc ..., đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân; triển khai quản lý và chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng (người cao tuổi, người khuyết tật, học sinh, người mắc bệnh mãn tính, không lây nhiễm) qua hồ sơ quản lý sức khỏe toàn dân.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

- Xác định nhiệm vụ xây dựng/duy trì xã đạt BTCQGYTX là một nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, hằng năm, đưa vào kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, tổ chức sinh hoạt thường xuyên lựa chọn vấn đề sức khỏe cần quan tâm tại cộng đồng để tổ chức triển khai thực hiện.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ NVYTTL theo Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với nhân viên y tế. Nếu đủ tiêu chuẩn tham mưu Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định công nhận, bố trí kinh phí để NVYTTL yên tâm làm việc (kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), đảm bảo mỗi tổ, thôn, làng có ít nhất 01 NVYTTL/CTV dân số được đào tạo hoạt động hoặc có Cô đỡ thôn bản đã qua đào tạo (thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số).

- Tập trung nguồn lực, lựa chọn, bố trí TYT xã, phường (chính) theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội; Ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; lập hồ sơ quản lý sức khỏe toàn dân; phòng chống bệnh lây nhiễm, bệnh truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cải thiện vệ sinh hộ gia đình; Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ.

Trên đây là báo cáo kết quả phúc tra công nhận xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các thành viên Quyết định số 13/QĐ-SYT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế);
- Lưu: VT, TTK, NVY.

TM. TỔ THƯ KÝ



Đinh Thị Ngân Hà

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM PHỨC TRA (năm 2025)

TT	Xã	Địa phương (trước sáp nhập)		Kết quả thẩm định của Hội đồng xét công nhận cấp xã										Tổng
				Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7	Tiêu chí 8	Tiêu chí 9	Tiêu chí 10	
		STT	Điểm chuẩn	14	10	12	9	19	12	6	11	3	4	
1	Xã Đắk Pék													
		1	Thị trấn Đắk Glei	14	10	12	6	17	12	5,5	7,5	3	4	91,0
		2	Xã Đắk Pék	12	10	11	6	16,5	12	6	9	3	4	89,5
2	Xã Đắk Long	3	Xã Đắk Long	14	10	12	7	15,5	11	6	8	3	3,5	90,0
3	Xã Đắk Môn													
		4	Xã Đắk Môn	12	9	12	7	16,5	11	5,5	8,5	3	4	88,5
		5	Xã Đắk Kroong	14	10	12	7	16	12	6	6,5	3	4	90,5
4	Xã Đắk Tơ Kan													
		6	Xã Đắk Rơ Ông	14	10	12	7	15,5	9	5	7	3	3	85,5
		7	Xã Đắk Tơ Kan	14	10	12	7	15,5	12	5	6	3	3,5	88,0
5	Xã Mô Rai	8	Xã Mô Rai	14	10	12	5,5	15,5	8	6	7	3	3,5	84,5
6	Xã Ia Đal	9	Xã Ia Đal	14	9,5	12	5	15,5	7	6	6,5	3	3,5	82,0
7	Xã Trường Giang													
		10	Xã Tịnh Đông	14	9,5	11,5	7	15,5	11,5	6	8	3	3,5	89,5
		11	Xã Tịnh Giang	14	9	10,5	6	15	9	5,5	7	3	3,5	82,5
		12	Xã Tịnh Minh	14	9,5	12	5	15,5	9	6	8	3	4	86,0
8	Xã Ba Gia													
		13	Xã Tịnh Hiệp	14	9	12	7	15,5	11	6	7,5	3	3,5	88,5
		14	Xã Tịnh Trà	14	8,5	12	6	16	11	6	7,5	3	3,5	87,5
		15	Xã Tịnh Bắc	14	8,5	12	7	16	11,5	6	8	3	4	90,0
9	Xã Sơn Tịnh													
		16	Thị trấn Tịnh Hà	13	10	11	6	15,5	10,5	6	8	3	4	87,0
		17	Xã Tịnh Bình	14	10	12	7	16,5	12	6	8	3	4	92,5
		18	Xã Tịnh Sơn	13	8	12	6	16,5	11,5	5	8,5	3	4	87,5
10	Xã Thọ Phong													
		19	Xã Tịnh Phong	14	10	12	7	16	11	6	8,5	3	3,5	91,0
		20	Xã Tịnh Thọ	14	9	12	6	16	10,5	6	7,5	3	3,5	87,5
11	Xã Tư Nghĩa													
		21	Xã Nghĩa Thương	13,5	9,5	12	5	15	9	6	8	3	4	85,0
		22	Xã Nghĩa Hòa	14	9	12	6	15	7	6	7,5	3	4	83,5
		23	Xã Nghĩa Trung	14	9	12	6	15	8,5	6	8	3	4	85,5
		24	Thị trấn La Hà	14	7,5	12	6	14	9	6	7	3	4	82,5
12	Xã Vệ Giang													
		25	Xã Nghĩa Phương	13,5	10	12	5	14,5	8,5	6	8	3	4	84,5
		26	Xã Nghĩa Hiệp	13,5	10	12	6	15	8,5	6	9	3	4	87,0
		27	Thị trấn Sông Vệ	13	10	12	6	13,5	8,5	6	7	3	4	83,0
13	Xã Nghĩa Giang													
		28	Xã Nghĩa Kỳ	14	9	12	6	15,5	8	6	9	3	4	86,5
		29	Xã Nghĩa Điền	14	9	12	6	14,5	9	6	8,5	3	4	86,0
		30	Xã Nghĩa Thuận	14	9	12	6	15	8,5	6	7	3	4	84,5
14	Xã Trà Giang													
		31	Xã Nghĩa Lâm	13,5	9,5	12	6	15	8,5	6	7	3	4	84,5
		32	Xã Nghĩa Thắng	13,5	9	12	6	15,5	7,5	6	7,5	3	4	84,0
		33	Xã Nghĩa Sơn	14	9	12	6	14,5	8,5	6	6	3	4	83,0
15	Xã Trà Bồng													
		34	Thị trấn Trà Xuân	12	8	12	5	14,5	10	6	5,5	3	4	80,0
		35	Xã Trà Thủy	12,5	9	12	5	14,5	9,5	6	5,5	3	4	81,0
		36	Xã Trà Sơn	13,5	10	12	6	15	9	6	5,5	3	4	84,0
16	Xã Thanh Bồng													
		37	Xã Trà Hiệp	14	10	11,5	6	14,5	10	5	6,5	3	3,5	84,0
		38	Xã Trà Lâm	14	10	12	6	13	7,5	5	7,5	3	4	82,0
		39	Xã Trà Thanh	14	10	11	5	14,5	8,5	4,5	6,5	3	4	81,0
17	Xã Tây Trà													
		40	Xã Trà Phong	13	9	12	7	16	9	5	8,5	3	3,5	86,0
		41	Xã Sơn Trà	14	10	12	6	15	9	5	5,5	3	3,5	83,0
		42	Xã Trà Xinh	14	10	12	6	15	6	4,5	8	3	3,5	82,0
18	Xã Tây Trà Bồng													
		43	Xã Hương Trà	14	10	12	7	14,5	8,5	4,5	6,5	3	3,5	83,5
		44	Xã Trà Tây	14	10	12	7	14,5	8,5	4	6,5	3	3,5	83,0
Tổng cộng: 44														